

Working Paper 2022.2.4.01
- Vol 2, No 4

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN VIỆT NAM

Nguyễn Lê Như Ý¹, Vương Kim Xuân, Trương Thị Yến Phi, Liêu Thị Yên Yên

Sinh viên K60 - Kinh tế đối ngoại

Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Thị Mai, Trần Mai Phương

Giảng viên Bộ môn Khoa học Cơ bản

Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Nghiên cứu này đánh giá các yếu tố tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai. Việt Nam là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai và biến đổi khí hậu. Hàng năm Việt Nam phải hứng chịu nhiều loại hình thiên tai, với cường suất lớn, tính chất ngày càng nghiêm trọng gây khó khăn trong việc sản xuất của người dân, dẫn đến thiệt hại lớn về người và tài sản. Vì vậy, ứng phó với thiên tai đang là vấn đề đang được quan tâm hơn cả. Ứng phó thiên tai là các hoạt động của con người nhằm thích ứng và giảm nhẹ thiên tai. Các biện pháp ứng phó có thể được hình thành từ kinh nghiệm của người dân, hoặc hình thành trong quá trình thích ứng với thiên tai từ xưa đến nay. Ở đề tài này, nhóm tác giả đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến biện pháp ứng phó thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam: (1) Nâng cao nhận thức về rủi ro thiên tai; (2) Cảnh báo trước về thiên tai; (3) Hỗ trợ từ họ hàng, bạn bè; (4) Niềm tin của con người vào cộng đồng.

Từ khóa: Phục hồi sau thiên tai, hộ gia đình nông thôn, ứng phó, Việt Nam.

FACTORS AFFECTING MEASURES TO RESPOND TO DISASTERS OF RURAL HOUSEHOLDS OF VIETNAM

Abstract

Vietnam is one of the countries heavily affected by natural disasters and climate change. Every year, Vietnam suffers from many types of natural disasters, with great intensity, increasingly serious nature causing difficulties in the production of people, causing significant damage to people's lives and property. Therefore, responding to natural disasters is the most critical issue. Disaster response is human activities aimed at adapting and mitigating natural disasters. Response

¹ Tác giả liên hệ, Email: k60.2111113320@ftu.edu.vn

measures can be formed from the people's experience or formed in the process of adapting to natural disasters from ancient times to the present. In this topic, the authors studied the factors affecting the disaster response measures of rural households in Vietnam: (1) Raising awareness of natural disaster risks; (2) Warning of natural disasters in advance; (3) Support from relatives and friends; (4) People's trust in the community.

Keywords: Disaster recovery, rural households, response, Vietnam.

Lời mở đầu

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu nhiều thiên tai nhất trên thế giới. Do tần suất xuất hiện thường xuyên của áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Việt Nam chịu ảnh hưởng không nhỏ của biến đổi khí hậu và thiên tai (Hoang và các cộng sự, 2014). Với tình hình biến đổi khí hậu diễn ra hết sức phức tạp trong những năm gần đây, Việt Nam phải gồng mình ứng phó với những diễn biến thất thường của hiện tượng thời tiết cực đoan. Là một trong năm quốc gia trên thế giới dễ bị tổn thương nhất với biến đổi khí hậu (Dasgupta và các cộng sự, 2007), thảm họa thiên nhiên xảy ra tại Việt Nam ngày càng thường xuyên hơn về tần suất và tác động mạnh mẽ hơn về cường độ đã gây thiệt hại cho nhiều phương diện của đất nước (Hoang và các cộng sự, 2014; Nguyễn và Mai, 2021), bao gồm: kinh tế - xã hội, môi trường, đặc biệt là thiệt hại về điều kiện sống và tính mạng con người. Theo Ngân hàng Thế Giới (WB, 2020) dự báo, nếu Việt Nam không hành động quyết liệt để nâng cao hiệu quả ứng phó với những rủi ro đến từ thiên nhiên, thiệt hại vào năm 2030 sẽ là 6,8 tỷ đô la Mỹ. Thảm họa thiên nhiên diễn ra ở khắp mọi nơi trên phạm vi cả nước, nhưng những tác động tiêu cực của nó diễn ra trầm trọng nhất ở nông thôn, nơi mà những điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của người dân vẫn còn tồn tại sự chênh lệch rất lớn so với khu vực thành thị (Tổng Cục Thống Kê, 2020).

Thích nghi và ứng phó với những vấn đề thời tiết ngày càng trở nên cấp thiết do số lượng thảm họa thiên nhiên được dự báo sẽ tiếp tục gia tăng trong tình hình biến đổi khí hậu (Goussebaile, 2020). Tại Việt Nam trong nhiều năm qua, Chính phủ Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng ghi nhận trong công tác phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai (Nguyễn, 2021). Mặc dù cơ sở hạ tầng và hệ thống tổ chức quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành công tác phòng, chống thiên tai đã được chú trọng phát triển từ Trung ương đến địa phương, nhưng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan và hiệu quả của công tác phòng, chống thiên tai của người dân còn rất thấp, đặc biệt là người dân sinh sống ở nông thôn (Đàm, 2017). Nghiên cứu cũng cho biết rằng đa số các nguồn lực sinh kế người dân sinh sống ở khu vực này còn yếu và chưa đáp ứng được khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu với 63% người tham gia khảo sát thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo. Bên cạnh đó, người dân nông thôn cũng chưa có nhận thức đúng về thiên tai và biến đổi khí hậu. Phần lớn người dân thừa nhận họ đã nghe đến biến đổi khí hậu nhưng lại không quá quan tâm hay chủ động tiếp cận vấn đề này do khả năng tiếp cận internet, báo đài còn hạn chế (Đàm, 2017). Ngoài ra, các hộ gia đình nông thôn có khả năng ứng phó và khắc phục thiên tai chưa cao. Nguyên nhân là các hộ chủ yếu tự dựa vào bản thân để ứng phó với rủi ro cũng như thiếu các cơ chế chính thức để các hộ sử dụng khi có rủi ro thiên tai diễn ra (Nguyễn, 2020). Ngoài ra, có một thực tế không thể phủ nhận rằng các biện pháp mà người dân hiện đang thực hiện hầu hết đều mang tính ứng phó, tức thì, ngắn hạn, mà thiếu các giải pháp thích nghi mang tính dài hạn (Trần, 2012).

Ứng phó và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đang trở nên ngày càng quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp như hiện nay (Goussebaile, 2020). Có thể thấy,

việc áp dụng đúng các biện pháp ứng phó với thiên tai sẽ mang lại những hiệu quả giảm thiểu thiệt hại tối đa về của cải vật chất lẫn tính mạng con người, đặc biệt là đối với người dân khu vực nông thôn - những người dễ bị tổn thương do không có đủ khả năng chuẩn bị những yếu tố cần thiết trước một thảm họa thiên nhiên. Chính vì vậy, việc nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn các biện pháp ứng phó với thiên tai, nhất là đối với các hộ gia đình nông thôn là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa thực tiễn cao, góp phần thay đổi nhận thức và hành động của người dân và nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu làm cho tần suất xuất hiện các thiên tai ngày càng cao.

1. Giới thiệu chung

Đa số nghiên cứu đi trước đã sử dụng mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) để dự đoán và giải thích hành vi của người dân trong phân loại CTRSH tại nguồn. Không chỉ dừng lại ở mô hình lý thuyết đơn giản ban đầu, nhiều nhóm nghiên cứu đã chọn mô hình mở rộng của TPB bằng cách bổ sung thêm các yếu tố khác như yếu tố tình huống, chuẩn mực đạo đức, sự thuận tiện, ... và nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố này tới hành vi phân loại CTRSH tại nguồn của người dân. Phần lớn các nghiên cứu đi trước đều tập trung nghiên cứu dân cư tại các đô thị, thành phố ở các quốc gia đang phát triển như Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam ... Dữ liệu trong các nghiên cứu hầu hết được thu thập thông qua khảo sát trực tiếp hoặc trả lời bảng hỏi trực tuyến tại các khu dân cư và các trường đại học. Phương pháp lấy mẫu thuận tiện hoặc phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên có phân tầng được sử dụng phổ biến. Một điểm đáng chú ý đó là nhiều nghiên cứu chỉ ra hạn chế là cỡ mẫu chưa đủ lớn, tập trung vào 1 nhóm đối tượng cụ thể trong một bối cảnh nhất định nên không mang tính đại diện cao hay không thể khái quát hóa đối với những bối cảnh khác có khác biệt về tình hình kinh tế, giáo dục, tôn giáo tín ngưỡng, yếu tố văn hóa - xã hội... Vì vậy, phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên có phân tầng được sử dụng phổ biến hơn ở các nghiên cứu do tính chính xác và đại diện cao, ít tổn kém. Nhiều nghiên cứu đi trước cũng đã chỉ ra nhiều kết luận trái chiều về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phân loại CTRSH tại nguồn của người dân.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các mô hình lý thuyết liên quan

Theo TPB (Ajzen, 1991), hành vi thực sự của một người bị ảnh hưởng bởi ba nhân tố: niềm tin về kết quả có thể của hành vi và đánh giá về những kết quả này (thái độ), niềm tin về những kỳ vọng chuẩn mực của người khác và động lực để tuân thủ những kỳ vọng này (chuẩn chủ quan) và niềm tin về sự hiện diện của các yếu tố có thể tạo điều kiện hoặc cản trở hiệu suất của hành vi và khả năng nhận thức được những các yếu tố này (kiểm soát hành vi nhận thức).

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phân loại CTRSH tại nguồn, mô hình TPB có thể được sử dụng vì nó cung cấp một khung lý thuyết có hệ thống và nhiều nghiên cứu trước đây cũng đã thừa nhận rằng TPB rất hữu ích trong việc dự đoán các yếu tố quyết định đến ý định và quyết định thực hiện một hành vi cụ thể (Wan và cộng sự, 2012).

Phân loại CTRSH tại nguồn là một hành vi đòi hỏi nỗ lực đáng kể của mỗi cá nhân vì CTRSH phải được phân loại, chuẩn bị và lưu trữ. Do đó, quyết định phân loại có thể phức tạp và một số yếu tố cần được xem xét. Theo Fielding và cộng sự (2008), TPB cung cấp khung lý thuyết để xác định một cách có hệ thống các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phân loại. Mặc dù có sự hỗ trợ đáng kể của TPB, một số tác giả cũng đã đề xuất rằng các biến bổ sung như các yếu tố tình huống

nên được đưa vào trong mô hình (Davis và cộng sự, 2006). Biến này được sử dụng để đánh giá mức độ mà quan điểm của người trả lời bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố tình huống, chẳng hạn như không gian, thời gian và sự hợp tác hạn chế như những rào cản để thực hiện phân loại rác thực phẩm tại nhà khi.

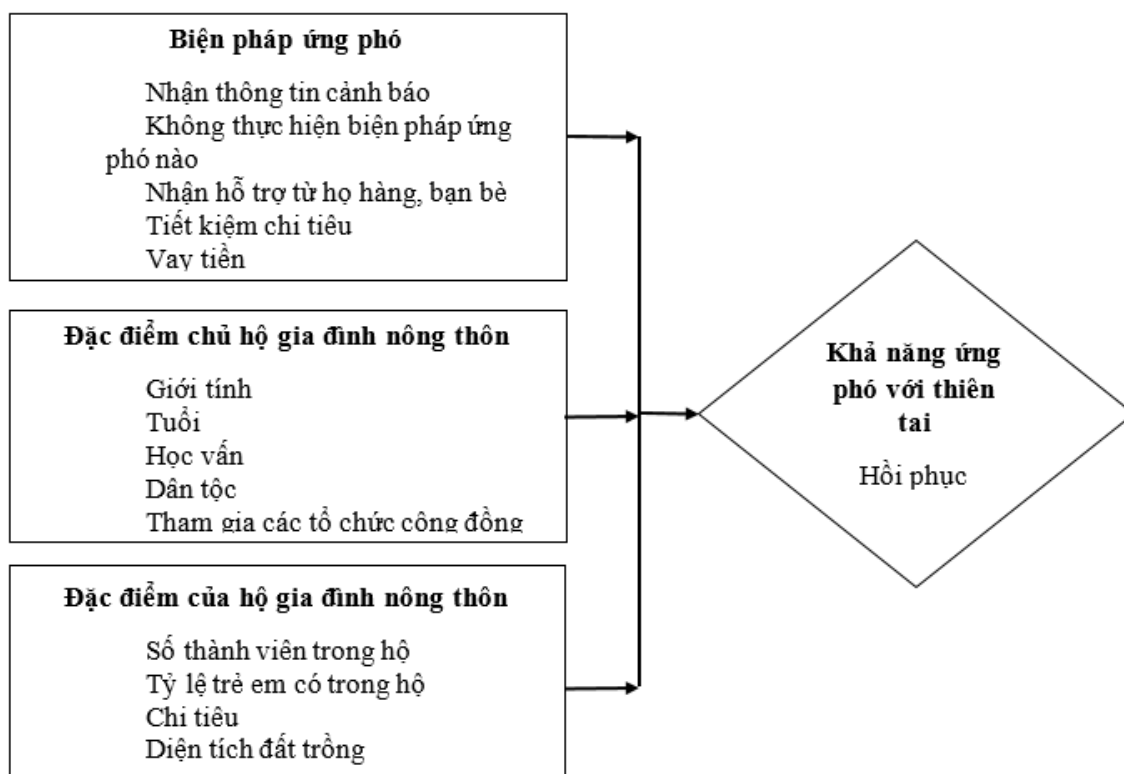
2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nhằm đánh giá đầy đủ và chính xác các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ứng phó với thiên tai của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam nhưng vẫn phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội cũng như các loại hình thiên tai xảy ra ở Việt Nam. Đề tài dựa theo nghiên cứu đo lường của Keshavarz và cộng sự (2021). Các kết quả từ các nghiên cứu thực nghiệm trước đây mang lại được đề ra để tạo nên khung phân tích với mong muốn có thể thể hiện tác động của ba yếu tố biện pháp ứng phó, đặc điểm của chủ hộ gia đình nông thôn và đặc điểm của hộ gia đình nông thôn đến khả năng ứng phó với thiên tai của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam (Hình 2.3).

Theo mô hình xã hội của Amber S. Mase và các cộng sự (2015), các yếu tố từ các cá nhân, tổ chức xã hội đóng một vai trò lớn trong việc có được khả năng ứng phó với thiên tai của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam.

Nhằm đánh giá đầy đủ và chính xác các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ứng phó với thiên tai của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam nhưng vẫn phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội cũng như các loại hình thiên tai xảy ra ở Việt Nam. Đề tài dựa theo nghiên cứu đo lường của Keshavarz và cộng sự (2021). Các kết quả từ các nghiên cứu thực nghiệm trước đây mang lại được đề ra để tạo nên khung phân tích với mong muốn có thể thể hiện tác động của ba yếu tố biện pháp ứng phó, đặc điểm của chủ hộ gia đình nông thôn và đặc điểm của hộ gia đình nông thôn đến khả năng ứng phó với thiên tai của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam (hình 1).

Theo mô hình xã hội của Amber S. Mase và các cộng sự (2015), các yếu tố từ các cá nhân, tổ chức xã hội đóng một vai trò lớn trong việc có được khả năng ứng phó với thiên tai của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam.



Hình 1. Mô hình lý thuyết xác định các yếu tố ảnh hưởng đến biện pháp ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam

Nguồn: Nhóm tác giả (2022)

Ngoài ra, đề tài còn đề xuất các giả thuyết liên quan đến mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ứng phó thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Các giả thuyết được đưa ra dựa trên các nghiên cứu thực nghiệm của các tác giả: Haixia Zhang và các cộng sự (2012), Jennifer Clare Piscitello và các cộng sự (2020), Weijun Wang và các cộng sự (2021), Hiroyuki Hikichi và các cộng sự (2018), Xinjun He và các cộng sự (2021), Nguyễn và Mai (2021), Trần (2012). Có thể thấy khả năng ứng phó của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam bị ảnh hưởng bởi các yếu tố biện pháp ứng phó, đặc điểm của chủ hộ gia đình nông thôn và đặc điểm của hộ gia đình nông thôn. Từ đó, đề tài đưa ra giả thuyết như sau:

Bảng 1. Các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Tên giả thuyết	Kỳ vọng (Tác động âm/dương)
H1	Việc nhận thông tin cảnh báo về thiên tai từ cơ quan chức năng, người thân có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	+

Giả thuyết	Tên giả thuyết	Kỳ vọng (Tác động âm/dương)
H2	Việc không thực hiện biện pháp ứng phó nào có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	-
H3	Việc giữa nhận hỗ trợ từ họ hàng, bạn bè có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	+
H4	Việc tiết kiệm chi tiêu trong thiên tai có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	+
H5	Hành động vay tiền có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	+
H6	Giữ niềm tin vào cộng đồng có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	+
H7	Giới tính của chủ hộ có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	-
H8	Độ tuổi của chủ hộ có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	-
H9	Học vấn của chủ hộ có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	+
H10	Dân tộc của chủ hộ có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	-
H11	Chủ hộ tham gia các tổ chức cộng đồng có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	+

Giả thuyết	Tên giả thuyết	Kỳ vọng (Tác động âm/dương)
H12	Số thành viên trong hộ gia đình có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	-
H13	Tỷ lệ trẻ em có trong hộ gia đình có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	-
H14	Chỉ tiêu có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	+
H15	Diện tích canh tác có tác động đến khả năng ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Quy trình nghiên cứu

Trong quá trình triển khai nghiên cứu các yếu tố tác động đến biện pháp ứng phó với thiên tai của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam, nhóm tác giả đã thực hiện theo trình tự sau:

Thứ nhất, đề tài xác định vấn đề nghiên cứu là các yếu tố tác động đến các biện pháp ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Từ đó, để có cái nhìn tổng quan, đề tài tiến hành lược khảo các khái niệm, lý thuyết về vấn đề nghiên cứu, xác định lỗ hổng nghiên cứu của các nghiên cứu trước đây.

Thứ hai, dựa trên kết quả tổng quan đề tài, nhóm tác giả tiến hành xây dựng khung phân tích và mô hình nghiên cứu lý thuyết.

Thứ ba, dựa trên mô hình lý thuyết, nhóm tác giả tiến hành xử lý dữ liệu, phân tích cơ sở dữ liệu để có cái nhìn toàn diện về mẫu nghiên cứu. Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng phần mềm STATA14 để phân tích thống kê mô tả và phân tích mô hình kinh tế lượng. Quá trình xử lý dữ liệu được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1: Lọc dữ liệu

Giữ lại các thông tin liên quan đến các yếu tố tác động đến biện pháp ứng phó với thiên tai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam trong năm 2002 và 2021, được thu thập từ bộ dữ liệu điều tra hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Sau đó, kết nối các thông tin biến số rời rạc thành tập tin dữ liệu chung giai đoạn 2002-2021 dựa trên thông tin hộ gia đình, từ đó hình thành bộ dữ liệu giai đoạn 2002 – 2021 chứa các thông tin nhằm phục vụ phần thống kê mô tả và phân tích mô hình hồi quy.

Bước 2: Tạo các biến số cho mô hình hồi quy

- Tạo biến số hộ gia đình nhận được cảnh báo về thiên tai.
- Tạo biến số hộ gia đình có hay không có thực hiện các biện pháp ứng phó với thiên tai.
- Tạo biến số hộ gia đình nhận được hỗ trợ từ họ hàng, bạn bè khi nhận thiên tai.
- Tạo biến số hộ có hay không có tiết kiệm, giảm chi tiêu khi bị thiên tai.
- Tạo biến số tổng số tiền hộ vay tại thời điểm thiên tai, (đơn vị tính là ngàn đồng, được tính theo hàm $\ln(x)$).
- Tạo biến số niềm tin của hộ vào cộng đồng, xã hội.
- Tạo biến số giới tính của chủ hộ.
- Tạo biến số độ tuổi của chủ hộ.
- Tạo biến số trình độ học vấn của chủ hộ.
- Tạo biến số dân tộc của chủ hộ.
- Tạo biến số việc tham gia tổ chức, hoạt động cộng đồng của chủ hộ.
- Tạo biến số tổng số người trong hộ gia đình.
- Tạo biến số tổng số trẻ em có trong gia đình.
- Tạo biến số tổng số tiền chi tiêu trong gia đình tại thời điểm thiên tai, (đơn vị tính là ngàn đồng), được tính theo hàm $\ln(x)$.
- Tạo biến số tổng diện tích đất sở hữu của hộ gia đình.

Thứ tư, đề tài tiến hành thống kê mô tả các biến và thực hiện một số kiểm định liên quan đến mô hình thực nghiệm và hồi quy mô hình thực nghiệm, phân tích bức tranh tổng quát về các yếu tố tác động đến biện pháp ứng phó với thiên tai của hộ gia đình Việt Nam. Sau đó, nhóm tác giả tiến hành thảo luận về kết quả ước lượng được. Từ đó, căn cứ vào kết quả thu được, tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách, biện pháp, xác định hạn chế của đề tài và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo.

3.2. Tổng thể, mẫu nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu: nghiên cứu này tập trung phân tích nguồn lực hộ gia đình (VARHS). Dữ liệu điều tra hơn 2.000 hộ gia đình nông thôn của 12 tỉnh thành phố trong giai đoạn 2008 – 2016

3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu được nhóm tiến hành phân tích thông qua sự hỗ trợ của phần mềm STATA14.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Ma trận hệ số tương quan

Trong mô hình đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến biện pháp ứng phó thiên tai với mức ý nghĩa 5% cho thấy, các biến cảnh báo thiên tai, hỗ trợ từ bạn bè, xã hội, niềm tin vào cộng đồng và tiết kiệm khi xảy ra thiên tai có ảnh hưởng tích cực đến biện pháp ứng phó thiên tai; trong khi đó không có các biện pháp ứng phó nào trước đây lại có ảnh hưởng ngược lại. Trong mô hình hồi quy, nếu các biến độc lập có quan hệ chặt với nhau, các biến độc lập có mối quan hệ tuyến tính, nghĩa là các biến độc lập có tương quan chặt, mạnh với nhau thì sẽ có hiện tượng đa cộng tuyến, đó là hiện tượng các biến độc lập trong mô hình phụ thuộc lẫn nhau và thể hiện được dưới dạng hàm số, điều này có nghĩa là từ giá trị một biến ta có thể đoán được giá trị của một biến khác. Theo Henseler (2015), đa cộng tuyến xảy ra khi giá trị của VIF vượt quá 10. Từ kết quả kiểm định hệ số phóng đại phương sai ở phụ lục 6 cho thấy các giá trị VIF của mô hình đều nằm trong phạm vi

dưới 2, đều thấp hơn ngưỡng báo động. Điều này cho thấy đa cộng tuyến không xảy ra trong mô hình được chỉ định.

4.2. Kết quả mô hình hồi quy

Bảng 2. Kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến biện pháp ứng phó với thiên tai của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam

Biến	(1) re_nat	(2) re1_nat1
war: cảnh báo	1,663** (0,380)	1,278 (0,380)
noscop: không phản ứng	6,115*** (1,461)	4,538*** (1,383)
assis: hỗ trợ từ họ hàng	1,899 (1,100)	3,130* (1,840)
save: tiết kiệm	0,734 (0,166)	0,860 (0,257)
Inloan: vay	1,003 (0,0220)	0,512* (0,208)
tru: niềm tin	2,546*** (0,606)	1,541 (0,470)
gen: giới tính	0,702 (0,216)	0,484** (0,166)
age: tuổi	0,992 (0,0110)	0,992 (0,0143)
eduh: số năm đi học	1,018 (0,0343)	1,022 (0,0408)
ethnic: dân tộc	0,395*** (0,138)	0,204*** (0,0834)
organh: tham gia tổ chức xã hội	2,120*** (0,574)	1,955** (0,648)
hhsiz: quy mô hộ	1,000 (0,0608)	0,975 (0,0781)
echild: tỷ lệ trẻ trong hộ	0,870 (0,119)	0,832 (0,152)

Biến	(1)	(2)
	re_nat	re1_nat1
lnexp: chi tiêu	1,008 (0,0620)	1,017 (0,0820)
land: diện tích đất	0,964 (0,0618)	0,992 (0,0627)
Hệ số gốc	0,0949** (0,0916)	0,163 (0,205)
Số quan sát	997	997
Số hộ	696	696

Giá trị độ lệch chuẩn trong ngoặc đơn

(***) mức ý nghĩa 1%, (**) mức ý nghĩa 5%, (*) mức ý nghĩa 10%

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu VARHS của nhóm tác giả (2022)

Từ kết quả của các kiểm định ma trận hệ số tương quan - định lượng, chỉ square - định tính và kết quả kiểm định hệ số phóng đại phương sai VIF cho thấy độ phù hợp của các kiểm định là rất tốt. Bên cạnh đó, từ kết quả hồi quy của bảng, các yếu tố như đã nhận thông tin cảnh báo thiên tai; nhận hỗ trợ từ họ hàng, bạn bè; tiết kiệm góp phần ảnh hưởng tích cực đến sự lựa chọn các biện pháp ứng phó với thiên tai. Trong khi đó, các yếu tố nhân khẩu học như giới tính, tuổi, trình độ học vấn của chủ hộ, dân tộc cũng có sự ảnh hưởng lên các quyết định ứng phó với thiên tai.

Kết quả nghiên cứu trên tương đồng với các nghiên cứu trước đây: Castañeda và cộng sự (2020), Bronfman và cộng sự (2019), Hikichi và cộng sự (2018), Monero (2018), Kim và các cộng sự (2020), A. Arviansyah và các cộng sự (2021), Wang và các cộng sự (2021).

5. Kết luận

5.1. Đề xuất đối với chính phủ, các cơ quan ban ngành có liên quan

Nhằm nâng cao nhận thức của người dân, nhóm kiến nghị đa dạng hóa các kênh truyền tải thông tin về rác thải, lợi ích của rác thải, chính sách chính phủ đến người dân, đưa một số kiến thức về môi trường và rác thải vào chương trình giảng dạy. Sở Tài nguyên và Môi trường cũng cần phối hợp chặt chẽ với Bộ để triển khai các chiến dịch như chiến dịch phân loại CTRSH tại nguồn, chiến dịch đổi giấy lấy cây, đổi chai nhựa lấy hạt giống và các chiến dịch thí điểm khác nhằm khuyến khích người dân phân loại rác thải.

Ngoài trường hợp không phân loại rác thải tại nhà thì có thể bị xử lý vi phạm (theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP) và mức độ xử phạt có thể từ 15 - 20 triệu đồng (theo Nghị định 115/2016/NĐ-CP) thì cần có thêm một quy định về mức xử phạt đối với các công ty quản lý môi trường xử lý rác thải sai quy định. Để thực thi mức phạt đối với hành động xử lý rác tại các bãi chôn lấp, tập kết rác, các cơ quan có thẩm quyền cần thường xuyên kiểm tra, thẩm định các dự án, quy trình, nếu phát hiện sai phạm lập tức có mức phạt hợp lý ngay.

Nhóm kiến nghị hỗ trợ cơ sở vật chất (thùng ủ rác composite, thùng rác phân ngăn, xe đẩy rác...) cho các khu vực dân cư, đặc biệt các tỉnh vùng núi; thu hút đầu tư các dự án xử lý rác thải công nghệ tiên tiến, hiện đại, giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp.

5.2. Đề xuất đối với công ty, tổ chức môi trường

Các công ty môi trường cần nghiêm chỉnh thực hiện theo các quy trình xử lý rác thải tại các bãi rác, phối hợp với chính quyền tuyên, hướng dẫn người dân phân loại rác thải tại nhà, phối hợp thu phí thu gom rác, theo dõi phạt trong trường hợp không phân loại rác theo quy định tại Nghị định 115/2016/NĐ-CP; khuyến khích người dân phân loại rác bằng cách thu mua lại những rác tái chế được mà người thu gom mua lại từ hộ gia đình.

Các tổ chức hoạt động vì môi trường, cần xây dựng các chiến dịch online và offline, đóng vai trò chính trong việc tuyên truyền kiến thức về rác thải, lợi ích của rác thải, chính sách của chính phủ, các chiến dịch phân loại CTRSH tại nguồn.

5.3. Đối với các cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng dân cư

Trong hộ gia đình, người lớn có thể làm gương cho trẻ nhỏ trong phân loại rác, hình thành thói quen từ bé, và ngược lại, trẻ nhỏ cũng có thể hướng dẫn người lớn bằng những kiến thức đã được học và thực hành ở trường.

Trong cộng đồng dân cư, mỗi hộ gia đình cần tuyên truyền cho những người dân xung quanh khu vực sinh sống về việc phân loại rác thải tại nguồn, mỗi cá nhân cũng cần có trách nhiệm nhắc nhở, phê phán những hộ gia đình chưa có ý thức phân loại rác thải hay những hành động ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường khác.

5.4. Kết luận

Trước bối cảnh vấn đề rác thải hiện nay đang là thách thức đối với hầu hết các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, nghiên cứu đã có những đóng góp về mặt khoa học và ý nghĩa thực tiễn. Về mặt khoa học, nghiên cứu đã xây dựng và phát triển mô hình nghiên cứu dựa trên mô hình lý thuyết về hành động hợp lý (TRA) và mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB), đảm bảo tính cập nhật và là tài liệu tham khảo cho những nghiên cứu tiếp theo ở mảng đề tài này. Về ý nghĩa thực tiễn, nghiên cứu đã có những đề xuất, giải pháp thực tiễn đến chính phủ, các cơ quan ban ngành, các công ty, tổ chức môi trường và chính người dân. Những đề xuất này dựa trên cơ sở kết quả đề tài nghiên cứu và một phần thực tiễn các giải pháp, chính sách đã và đang được thực hiện, đảm bảo tính hợp lý của giải pháp nhằm hướng đến một môi trường phát triển xanh ở các tỉnh thành phía Bắc Việt Nam.

5.5. Hạn chế của đề tài

Thứ nhất, số lượng mẫu thu thập được (360 mẫu) chưa đủ lớn để mang tính đại diện cho toàn bộ dân cư phía Bắc Việt Nam.

Thứ hai, sự phân bố về giới tính và địa lý của 360 mẫu thu thập được không đồng đều. Cụ thể, giới tính nữ có số phiếu trả lời cao hơn cả (78,6%) và số lượng phản hồi chủ yếu tập trung vào Hà Nội và các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng (chiếm 91,7%).

5.6. Đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo

Ở nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu nhận thấy “Chuẩn chủ quan” không có ý nghĩa ảnh hưởng đến thái độ, ý định hay hành vi phân loại rác thải tại nguồn. Do vẫn còn nhiều tranh cãi xoay quanh

việc “Chuẩn chủ quan” có thực sự là nhân tố quan trọng hay không, nhóm nghiên cứu đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo trong tương lai có thể kiểm định rõ hơn về vấn đề này. Để cho ra được kết quả chính xác nhất, mang tính đại diện, các nhóm nghiên cứu tiếp theo nên tập trung nghiên cứu ở một vùng dân cư với cỡ mẫu lớn hơn.

Tài liệu tham khảo

- Abbott, D., Franks, A., Cook, C., & Mercier, C. (2021), “(Non) Religious Coping with a Natural Disaster in a Rural US Community”.
- Arviansyah, A., Kusumastuti, R. D., Nurmala, N., & Wibowo, S. S. (2021). “Data on knowledge management and natural disaster preparedness: A field survey in East Lombok, Indonesia”, *Data in brief*, Vol. 36, 107156.
- Beatty, T. K., Shimshack, J. P., & Volpe, R. J. (2019), “Disaster preparedness and disaster response: Evidence from sales of emergency supplies before and after hurricanes”, *Journal of the Association of Environmental and Resource Economists*, Vol. 6 No. 4, pp. 633-668.
- Berrebi, C., Karlinsky, A., & Yonah, H. (2021), “Individual and community behavioral responses to natural disasters”, *Natural Hazards*, Vol. 105 No. 2, pp. 1541-1569.
- Bronfman, N. C., Cisternas, P. C., Repetto, P. B., & Castañeda, J. V. (2019), “Natural disaster preparedness in a multi-hazard environment: Characterizing the sociodemographic profile of those better (worse) prepared”, *PloS one*, Vol. 14 No. 4, p. e0214249.
- Castañeda, J. V., Bronfman, N. C., Cisternas, P. C., & Repetto, P. B. (2020), “Understanding the culture of natural disaster preparedness: exploring the effect of experience and sociodemographic predictors”, *Natural Hazards*, Vol. 103 No. 2, pp. 1881-1904.
- Das, A., Rani, A., & Rahman, G. M. M., “Study on adaptation measures taken by the farmers in response to disaster in Bajua union of Dacope upazila of Khulna district in Bangladesh” *Young (up to35)*, Vol. 43 No. 35.83, pp. 41-61.
- Diện Hứa. (2012), “5 thảm họa thiên nhiên gây thiệt hại lớn nhất Việt Nam”.
- Đàm, T. T. (2017), “Đánh giá năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của người dân ở cấp độ cộng đồng: Kết quả khảo sát tại thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định”.
- Food and Agriculture Organization of the United Nations. (2018), “FAO công bố Báo cáo về thiệt hại do thiên tai gây ra tại Hội nghị khu vực về Tăng cường tính chống chịu của Hệ thống Lương thực và Nông nghiệp”, Available at <https://www.fao.org/vietnam/news/detail/vn/c/1107426/>.
- Goussebaïle, A. (2020), “Prevention and Insurance in Cities Exposed to Natural Disaster Risks”, *Annals of Economics and Statistics*, No. 139, pp. 61-86.
- Gunawan, I., Afiantari, F., Kusumaningrum, D. E., Thasbikha, S. A., Zulkarnain, W., Ichwanda Burham, A. S., ... & Budiarti, E. M. (2019), “Improving disaster response through disaster simulation”, *Int. J. Innov. Creat. Chang*, Vol. 5 No. 4, pp. 640-653.
- Hikichi, H., Aida, J., Matsuyama, Y., Tsuboya, T., Kondo, K., & Kawachi, I. (2020), “Community-level social capital and cognitive decline after a natural disaster: A natural experiment from the 2011 Great East Japan Earthquake and Tsunami”, *Social Science & Medicine*, Vol. 257, p. 111981.
- Hong, B., Bonczak, B. J., Gupta, A., & Kontokosta, C. E. (2021), “Measuring inequality in community resilience to natural disasters using large-scale mobility data”, *Nature communications*, Vol. 12 No. 1, pp. 1-9.

- Kabir, M. H., & Hossain, T. (2021), “Assessment on Social Vulnerability and Response Towards Natural Disaster in A Disaster-Prone Coastal Village: An Example from Bangladesh”, *International Journal of Disaster Management*, Vol. 4 No. 1, pp. 39-60.
- Keshavarz, M., & Moqadas, R. S. (2021), “Assessing rural households' resilience and adaptation strategies to climate variability and change”, *Journal of Arid Environments*, Vol. 184, p. 104323.
- Kim, S., Kwon, S. A., Lee, J. E., Ahn, B. C., Lee, J. H., An, C., ... & Wang, J. (2020), “Analyzing the role of resource factors in citizens' intention to pay for and participate in disaster management”, *Sustainability*, Vol. 12 No. 8, p. 3377.
- Le Dé, L., Rey, T., Leone, F., & Gilbert, D. (2018), “Sustainable livelihoods and effectiveness of disaster responses: a case study of tropical cyclone Pam in Vanuatu”, *Natural hazards*, Vol. 91 No. 3, pp. 1203-1221.
- Liên Hợp Quốc Việt Nam. (2015), “Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu”.
- Marks, D., & Elinoff, E. (2020), “Splintering disaster: Relocating harm and remaking nature after the 2011 floods in Bangkok”, *International Development Planning Review*, Vol. 42 No. 3, pp. 273-295.
- Miao, Q., Shi, Y., & Davlasheridze, M. (2021), “Fiscal decentralization and natural disaster mitigation: Evidence from the United States”, *Public Budgeting & Finance*, Vol. 41 No. 1, pp. 26-50.
- Moreno, J. (2018), “The role of communities in coping with natural disasters: Lessons from the 2010 Chile Earthquake and Tsunami”, *Procedia Engineering*, Vol. 212, pp. 1040-1045.
- NASA. (2022), “Sea Level to Rise up to a Foot by 2050”, *Interagency Report Finds*, Available at <https://climate.nasa.gov/news/3146/sea-level-to-rise-up-to-a-foot-by-2050-interagency-report-finds/>.
- Ngân hàng thế giới. (2020), “Phát triển vùng ven biển Việt Nam- cân bằng rủi ro và cơ hội”, Available at <https://blogs.worldbank.org/vi/eastasiapacific/phet-trien-vung-ven-bien-viet-nam-can-bang-rui-ro-va-co-hoi>.
- Piscitello, J. C. (2020), “Factor Predicting Maternal Posttraumatic Stress Symptom Trajectories Following a Natural Disaster: Coping, Social Support, and Family Functioning”, Available at https://digitalcommons.lsu.edu/gradschool_dissertations/5345/.
- Phạm Hiếu (2022), “Sản xuất nông nghiệp cần hướng tới việc thích ứng với thiên tai”, Available at <https://nongnghiep.vn/san-xuat-nong-nghiep-can-huong-toi-viec-thich-ung-voi-thien-tai-d312451.html>.
- Phong, N. B., & Nhuận, M. T. (2021), “Đánh giá mối quan hệ của các chỉ số khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của hộ gia đình cận nghèo của thành phố Đà Nẵng”, Available at <http://tapchikttv.vn/data/article/1294/3.pdf>.
- Rayamajhee, V., & Bohara, A. K. (2019), “Natural disaster damages and their link to coping strategy choices: field survey findings from post-earthquake Nepal”, *Journal of International Development*, Vol. 31 No. 4, pp. 336-343.

- Robledo, C., & Forner, C. (2005), “Adaptation of forest ecosystems and the forest sector to climate change”, *Forests and Climate Change Working Paper (FAO)*, Available at <https://agris.fao.org/agris-search/search.do?recordID=XF2007432087>
- Smit, B., & Pilifosova, O. (2003), “Adaptation to climate change in the context of sustainable development and equity”, *Sustainable Development*, Vol. 8 No. 9, p. 9.
- Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh. (2017), “Giải pháp ứng phó thiên tai tại Việt Nam”, Available at <https://qhkt.hochiminhcity.gov.vn/do-thi-xanh/giai-phap-ung-pho-thien-tai-tai-viet-nam-1007.html>.
- Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng. (2021), “Thế giới chung tay phòng chống thảm họa thiên tai”, Available at <http://tnmt.danang.gov.vn/thong-tin-chuyen-nganh/chi-tiet?id=2504&u=thegioichungtayphongchongthamhoathientai>.
- Tổng cục phòng chống thiên tai. (2020), “Tóm tắt thiên tai Việt Nam từ đầu năm 2020 (tính đến ngày 23/7/2020)”, Available at <https://phongchongthientai.mard.gov.vn/Pages/tom-tat-thien-tai-viet-nam-tu-dau-nam-2020-tinh-den-ngay-23-7-2020-.aspx>.
- Tổng cục phòng chống thiên tai. (2021), “Tổng kết công tác phòng chống thiên tai năm 2021 và triển khai kế hoạch năm 2022”, <https://phongchongthientai.mard.gov.vn/Pages/tong-ket-cong-tac-phong-chong-thien-tai-nam-2021-va-trien-khai-ke-hoach-nam-2022.aspx>.
- Tổng cục phòng chống thiên tai. (2022), “Thiên tai gây thiệt hại 210 tỷ USD trên toàn cầu trong năm 2020”, Available at <https://phongchongthientai.mard.gov.vn/Pages/thien-tai-gay-thiet-hai-210-ty-usd-tren-toan-cau-trong-nam-2020.aspx>.
- Tuấn, T. H. (2012), “NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO NGƯỜI DÂN VEN BIỂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ”, *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, Vol. 72 No. 3.
- Tùng, S. T., Lan, N. H. M., Nguyễn, N. H., Hương, Đ. N. T., Văn, P. Đ. B., Trang, N. T. T., & Hà, B. T. M. (2020), “Nhận diện “niềm tin” tại cộng đồng dân cư ven biển khu vực Nam Trung Bộ trong ứng phó với thiên tai”, Available at <https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/311682/CVv512S482020040.pdf>
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên – Sở Tài Nguyên Môi trường. (2016), “Việt Nam có thể thiệt hại 6.7 tỷ USD mỗi năm do thiên tai”, Available at <http://www.tnmtthainguyen.gov.vn/-/4654-vit-nam-co-th-thit-hi-67-t-usd-mi-nm-do-thien-tai>.
- Van Minh, H., Anh, T. T., Rocklöv, J., Giang, K. B., Trang, L. Q., Sahlen, K. G., ... & Weinehall, L. (2014), “Primary healthcare system capacities for responding to storm and flood-related health problems: a case study from a rural district in central Vietnam”, *Global health action*, Vol. 7 No. 1, p. 23007.
- van Valkengoed, A. M., & Steg, L. (2019), “Meta-analyses of factors motivating climate change adaptation behavior”, *Nature Climate Change*, Vol. 9 No. 2, pp. 158-163.
- Vũ Văn Cương, Trần Thực, Đinh Thái Hưng (2018), “Tri thức, kinh nghiệm ứng phó thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp của cộng đồng dân tộc thiểu số ở Lai Châu”, Available at

<http://tapchikttv.vn/data/article/48/04.%20B%C3%A0i%20b%C3%A1o%20t%C3%A1c%20gi%E1%BA%A3%20V%C5%A9%20V%C4%83n%20C%C6%B0%C6%A1ng.pdf>.

Wang, W., Zhao, X., Li, H., & Zhang, Q. (2021), “Will social capital affect farmers’ choices of climate change adaptation strategies? Evidences from rural households in the Qinghai-Tibetan Plateau, China”, *Journal of Rural Studies*, Vol. 83, pp. 127-137.

WorldAlats. (2017), “Best Countries At Reducing Disaster Risk”, Available at <https://www.worldatlas.com/articles/best-countries-at-reducing-disaster-risk.html>.

Zhang, H., Zhuang, T., & Zeng, W. (2012), “Impact of household endowments on response capacity of farming households to natural disasters”, *International journal of disaster risk science*, Vol. 3 No. 4, pp. 218-226.